

# Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam Tồn tại và kiến nghị

PGS. TS. PHƯƠNG NGỌC THẠCH

**Qua số liệu đầu tư nước ngoài trên thế giới, cho thấy 70-75% dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài di chuyển trong nội bộ các nước phát triển, chỉ có 25-30% di chuyển đến các nước đang phát triển và kém phát triển. Điều đó cho thấy các nước chủ đầu tư không phải chỉ dựa vào khai thác lợi thế của các nước nhận đầu tư là có nguồn tài nguyên dồi dào và lao động rẻ. Tài nguyên dồi dào và lao động rẻ không phải là nhân tố quan trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.**

**Ở** nước ta, bên cạnh nguồn vốn trong nước đóng vai trò quyết định, vốn đầu tư nước ngoài là một trong những nguồn vốn quan trọng. Trong nguồn vốn nước ngoài, FDI được coi là nguồn vốn thích hợp đối với nước ta. Vai trò của FDI trong những năm qua đã được khẳng định, đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước. Đầu tư nước ngoài hiện chiếm khoảng trên 13% GDP cả nước.

Cạnh tranh thu hút vốn đầu tư cũng đang diễn ra quyết liệt giữa nước ta với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là các nước khu vực Đông và Nam Âu, khu vực Đông Nam Á với hoàn cảnh tương tự, nhưng có một số mặt lợi thế hơn ta.

Theo đại sứ Nhật Bản tại VN

trên thế giới đang có cuộc cạnh tranh đầu tư rất khốc liệt và VN cần phải nhìn nhận rằng môi trường đầu tư của VN chưa hấp dẫn. Khi hàng rào quan thuế bị bãi bỏ, các công ty đa quốc gia sẽ tập trung sản xuất tại những nước có phí tổn thấp nhất trong khu vực AFTA. Thách thức của VN là làm sao giữ chân các cơ sở hiện có của các công ty đa quốc gia và tạo cơ hội để các công ty đa quốc gia đầu tư vào VN.

Thực vậy nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào VN đang có xu hướng chững lại. Giai đoạn 1991-1995 vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 25% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, giai đoạn 1996-2000 chiếm 24%, 2 năm 2001-2002 chỉ chiếm hơn 18,5%.

Chúng ta thường nhấn mạnh Việt Nam là thành viên của ASEAN, nằm trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương với những lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên và lao động, đặc biệt là môi trường kinh tế chính trị ổn định, nên là thị trường có tiềm năng thu hút vốn FDI. Qua số liệu đầu tư nước ngoài trên thế giới, cho thấy 70-75% dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài di chuyển trong nội bộ các nước phát triển, chỉ có 25-30% di chuyển đến các nước đang phát triển và kém phát triển. Điều đó cho thấy các nước chủ đầu tư không phải chỉ dựa vào khai thác lợi thế của các nước nhận đầu tư là có nguồn tài nguyên dồi dào và lao động rẻ. Tài nguyên dồi dào và lao động rẻ không phải là nhân tố quan trọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Để thấy rõ các nguyên nhân khiến môi trường đầu tư VN kém hấp dẫn thu hút FDI, chúng ta thấy phụ thuộc khá nhiều vào chính sách nhà

nước đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thực vậy với số dân tương đồng với VN, lĩnh Quảng Đông thu hút đầu tư từ Nhật nhiều hơn gấp đôi, khoảng 20 tỷ yên. Năm 2001 VN thu hút số vốn đầu tư từ Nhật chỉ bằng 1/33 của Trung Quốc, 1/12 của Thái Lan, bằng 1/5 của Malaysia hoặc Indonesia. Trung Quốc trở thành nước thu hút đầu tư nhiều nhất thế giới.

Sau đây là một số tồn tại trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam :

**Thứ nhất :** Có 2 quan điểm trong thu hút FDI vào Việt Nam. Quan điểm thứ nhất cho rằng tăng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài về mặt số lượng, bất kể vào lĩnh vực nào quy mô bao nhiêu, miễn là đầu tư, quan điểm thứ hai cho rằng đã đến lúc chúng ta phải tăng thu hút FDI về mặt chất lượng, ưu đãi đối với những lĩnh vực công nghệ kỹ thuật cao, những lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất. Quan điểm thứ nhất hiện nay là phổ biến, hầu như các tỉnh, thành phố đều tập trung mọi cố gắng thu hút FDI vào địa bàn của mình bất kể ngành nào, sản phẩm gì, vì vậy FDI quá tập trung vào các ngành chế biến lương thực - thực phẩm: rượu, bia, nước giải khát, các ngành sản xuất hàng tiêu dùng, chưa có sự đầu tư thích đáng vào ngành sản xuất tư liệu sản xuất, chỉ đầu tư lắp ráp cơ khí điện tử.

Cần chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, song điều đó không có nghĩa là không chú trọng thu hút FDI vào phát triển các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, công nghiệp nặng để đảm bảo sản xuất hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế. Bài học quan trọng

nhất của các nước NIC trong những năm qua là phải xây dựng được một cơ cấu sản phẩm hợp lý, một cơ cấu sản phẩm phải tự sản xuất các tư liệu sản xuất cung cấp cho toàn bộ nền kinh tế, tập trung thu hút FDI vào các sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật, vốn cao do các sản phẩm công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động mất khả năng cạnh tranh quốc tế, sức lao động không còn là lợi thế nữa.

Cần có chính sách ưu tiên phát triển ngành trong từng tỉnh và khu công nghiệp mà vừa qua chúng ta còn chưa có. Trước hết cần coi trọng và nâng cao hiệu quả đầu tư nước ngoài dựa trên lợi thế của từng tỉnh và khu công nghiệp. Đối với một số vùng cần nêu bật định hướng thu hút FDI vào một số ngành, các ngành sản xuất tư liệu sản xuất, các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học và vốn cao, các ngành hỗ trợ và liên quan.

**Thứ hai:** Chính sách nội địa hóa chưa thỏa đáng. Đáng lẽ cần phải tăng cường nội địa hóa thì chính sách của Việt Nam còn chưa chú trọng, chính vì lẽ đó đã làm cho sản phẩm của FDI ở Việt Nam đắt hơn ở Thái Lan và các nước khác. Ví dụ chính sách nội địa hóa của ta đối với ngành công nghiệp ô tô xe máy ít tham vọng hơn các quốc gia khác trong ASEAN như Thái Lan, Malaysia.... Đối với việc lắp ráp hoàn tất, Việt Nam đòi hỏi 5% vào năm thứ 5, là 30% vào năm thứ 10, Thái Lan đòi hỏi 60% vào năm thứ 5. Chính sách đó ảnh hưởng quan trọng đến sự phát triển các ngành liên quan và hỗ trợ, các ngành này phát triển rất ít và rất chậm trong thời gian qua và phải nhập phụ tùng linh kiện từ bên ngoài, do đó làm tăng giá thành sản phẩm, giảm khả năng cạnh tranh.

Chính sách nội địa hóa của ta cần phải tích cực hơn và phải được giải quyết từ đầu tư gốc, thể hiện khi duyệt các dự án đầu tư nước ngoài và quy định thời gian nội địa hóa ngắn. Vừa qua Bộ tài chính đưa ra chính sách tỷ lệ nội địa hóa càng cao, thuế suất càng giảm. Tỷ lệ nội địa hóa trên 65-80% thì thuế nhập khẩu phụ tùng chỉ còn 5-7% và trên 80% thì thuế nhập khẩu chỉ còn 3-5%, 40% thì thuế

nhập khẩu linh kiện là 15%. Khuyến khích nội địa hóa trong khi chính sách nội địa hóa đối với FDI đưa ra tỷ lệ thấp, mặt khác năng lực sản xuất phụ tùng, máy móc để lắp ráp xe máy của doanh nghiệp trong nước còn yếu, giá thành cao thì cũng vẫn chỉ tiếp tục làm nảy sinh gian lận.

**Thứ ba:** VN không có chính sách chuyển giao công nghệ như các nước Trung Quốc, Hàn Quốc... Vì vậy sau 10 năm nước ta có nhiều hãng ô tô nổi tiếng thế giới đầu tư nhưng các chuyên gia kêu rằng có lẽ VN vĩnh viễn sẽ không có ngành công nghiệp ô tô. Để có ngành CN ô tô phải đạt tỷ lệ nội địa hóa 40%, giá thành của ô tô sản xuất trong nước cao hơn khu vực khá lớn là do tỷ lệ nội địa hóa quá thấp, đến nay tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp ô tô từ 2-10%. Tham gia WTO năm 2005 nếu không đạt tỷ lệ nội địa hóa thấp nhất là 20% thì công nghiệp ô tô VN sẽ khó có.

Cần phải có chính sách chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, nếu không chúng ta sẽ chỉ là một thị trường tiêu thụ khổng lồ với dân số 80 triệu dân cho các nước.

**Thứ tư :** Chính sách giá chưa hợp lý, chi phí đầu tư vào VN còn quá cao, làm giảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm VN, làm nản lòng các nhà đầu tư. Theo JETRO Nhật bản cho biết cước phí viễn thông, chi phí lưu thông giao nhận, điện.. hiện nay tại VN quá cao. Cước điện thoại quốc tế của VN cao gấp khoảng 7 lần so với Singapore, gần 6 lần so với Malaysia, 4 lần so với Jakarta, khoảng 3 lần so với Bangkok và gần 2 lần so với Trung Quốc. Chi phí lưu thông giao nhận nếu gửi hàng container thì cao gần gấp 3 lần so với Singapore, khoảng 2,5 lần so với Kuala Lumpur, khoảng 2 lần Jakarta, Thượng Hải. Các chi phí và lệ phí liên quan đến giao nhận tại các cảng biển và sân bay quá cao. Có 12 loại phí và lệ phí bất hợp lý mà doanh nghiệp phải nộp như phí lưu kho sân bay 1.200 đ/kg, phí an ninh 230 đ/kg, phí lao vụ 0,06 USD/kg, phụ phí xăng dầu 30 USD/container 20 feet, 60 USD/container 40 feet, hàng lẻ 2,5 USD/m<sup>3</sup>, phí nâng hạ 300.000-

360.000 đ/container 20 feet, thu phí đường bộ 80.000 đồng/ lượt đối với xe tải 18 tấn trở lên. Giá điện cao hơn 50%, giá nước cao hơn 71% so với ASEAN, Trung Quốc.

Để giảm chi phí đầu vào, mà hiện nay chủ yếu là do các doanh nghiệp nhà nước nắm, cần ngăn chặn việc biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp nhà nước. Cần xây dựng Luật cạnh tranh và nhanh chóng thông qua.

**Thứ năm :** Chi phí cho đất đai ngày càng tăng. Từ năm 1996 trở lại đây thị trường kinh doanh đất sôi động. Đất đai ngày càng giá cao. Giá đất lớn, giá đền bù lớn, giá san lấp mặt bằng lớn. Giá cả đất đai của thành phố VN cao hơn so với các nước trong khu vực; giá thuê đất TP.HCM gấp 4-6 lần Trung Quốc, 6 lần Thái Lan. Tình hình này ảnh hưởng lớn đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chính phủ cần kiểm soát chặt thị trường bất động sản do thị trường bất động sản là một thị trường không hoàn hảo, dễ dẫn đến những độc quyền trong cạnh tranh, tạo nên cơn sốt giá, nâng giá đất giả tạo, làm cho chi phí đầu tư của FDI nước ta cao hơn so với các nước trong khu vực.

**Thứ sáu:** Ngoài ra quan điểm nới lỏng đầu vào quản lý chặt đầu ra, hậu kiểm thay thế tiền kiểm như các nhà đầu tư nước ngoài từng nói chính phủ VN chỉ khuyến khích đầu tư không khuyến khích sản xuất, tiền hậu bất nhất không nhất quán. Đó là một trong những nguyên nhân làm cho thu hút FDI của ta giảm. Bài học Trung Quốc là trước cho, sau lấy có tính làm ăn lâu dài là những kinh nghiệm trong thu hút FDI.

Tóm lại nguyên nhân chủ yếu khiến môi trường đầu tư VN giảm thu hút đầu tư nước ngoài là do giá đầu vào như nhiên liệu, nguyên liệu, vật liệu còn cao, chi phí cơ sở hạ tầng như cước viễn thông quốc tế, tiền thuê đất, chi phí lưu thông hàng hóa cao, thuế thu nhập của người nước ngoài cao nhất tại khu vực ASEAN. Ngoài ra môi trường đầu tư VN thiếu hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, không nhất quán và không minh bạch ■